

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi,
bổ sung một số điều bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ
chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt
động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về
kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 628/TTr-SNV ngày
30 tháng 6 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 7 năm 2026.
- Quyết định này thay thế các Quyết định:

a) Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

c) Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

d) Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ).

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Vụ: Pháp chế, Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh Lâm Đồng;
- Trung tâm Lưu trữ và DVVL tỉnh;
- Lưu: VT, NC. N

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, buôn, bon, bản thuộc xã, đặc khu (gọi chung là thôn), tổ dân phố thuộc phường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, tổ dân phố.
b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.
c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, đặc khu); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do chính quyền địa phương cấp xã giao theo quy định.

2. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã. Thôn được tổ chức ở xã, đặc khu; tổ dân phố được tổ chức ở phường.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hợp lý; hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh

bach; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triển khai các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố mới thành lập, được sắp xếp, tổ chức lại hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và cộng đồng dân cư chuẩn bị nhân sự, tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

4. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng

không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư bàn, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch.

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; trình Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận và tổ chức thực hiện sau khi được công nhận theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; lựa chọn, cho thôi làm Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư được thực hiện trên cơ sở tôn trọng tính tự quản của cộng đồng dân cư, theo hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn.

c) Hỗ trợ cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước và quản trị địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn.

e) Hỗ trợ chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội.

3. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban Công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn.

Điều 6. Các hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ theo quy định. Công tác chuẩn bị, trình tự tổ chức hội nghị của thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

5. Các hình thức hoạt động khác

Ngoài các hình thức hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này; căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, thôn, tổ dân phố có thể

hoạt động thông qua các hình thức sau đây để tuyên truyền, vận động Nhân dân và tổ chức các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố:

- a) Hoạt động trên hệ thống loa truyền thanh, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- b) Trao đổi trực tiếp giữa Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Tổ trưởng tổ dân phố với hộ gia đình.
- c) Gửi văn bản, tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, vận động.
- d) Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân thông qua hòm thư góp ý.
- đ) Tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, tổ chức kỷ niệm ngày hội truyền thống, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, của đất nước và của địa phương, sinh hoạt truyền thống văn hóa, Tết cổ truyền của dân tộc...

6. Nơi sinh hoạt, hội họp của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

- a) Thôn, tổ dân phố đã có nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố thì sử dụng nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố làm nơi sinh hoạt, hội họp của Nhân dân và là nơi cất giữ tài liệu, trưng bày tài sản chung của thôn, tổ dân phố.
- b) Thôn, tổ dân phố chưa có nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố thì chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý Nhà nước đóng trên địa bàn có trách nhiệm tạo điều kiện để nhân dân sử dụng hợp lý các cơ sở hiện có như: Trường học, trụ sở Ủy ban nhân dân, cơ quan Nhà nước khác để làm nơi sinh hoạt, hội họp. Ủy ban nhân dân cấp xã quan tâm đầu tư, hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố làm nơi sinh hoạt, hội họp ổn định của thôn, tổ dân phố.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

- 1. Là công dân Việt Nam, cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố hoặc địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố; từ đủ 21 tuổi trở lên và không quá 65 tuổi. Trường hợp đặc thù quá 65 tuổi do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- 2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- 3. Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, ưu tiên người có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trường hợp địa bàn có khó khăn về nguồn nhân sự hoặc có

yếu tố đặc thù về điều kiện dân cư, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định người có trình độ phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Có kiến thức về văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư; có phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; có khả năng hòa giải, xử lý tình huống phát sinh trong cộng đồng dân cư.

5. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6. Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

7. Ưu tiên bố trí người trẻ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, người có trình độ chuyên môn cao, có nhiệt huyết, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng.

Điều 8. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Tổ bầu cử gồm đại diện Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố, không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Các quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu.

4. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp Ban Công tác Mặt trận để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ

trưởng tổ dân phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban Công tác Mặt trận sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử, ít nhất 01 người.

Nội dung cuộc họp Ban Công tác Mặt trận phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Điều 9. Tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Tổ bầu cử do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

Trường hợp thôn, tổ dân phố có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống rộng, không tập trung thì việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo từng cụm dân cư được thực hiện theo phương án do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Người chủ trì cuộc họp tại cụm dân cư, việc báo cáo kết quả từng cụm dân cư và tổng hợp vào kết quả chung của thôn, tổ dân phố.

2. Việc tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý.

b) Chủ trì cuộc họp hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan đến việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo chương trình cuộc họp.

c) Đại diện Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử do Ban Công tác Mặt trận quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quyết định này; đề nghị đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

d) Đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp thảo luận về danh sách người ứng cử. Kết thúc thảo luận, người chủ trì cuộc họp tổng hợp ý kiến, đề xuất nội dung cần biểu quyết và phương án biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín để người tham dự cuộc họp biểu quyết lựa chọn. Phương án biểu quyết

được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý.

đ) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức giơ tay, kết quả biểu quyết được kiểm đếm ngay tại thời điểm biểu quyết và ghi vào biên bản cuộc họp.

e) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người, gồm Trưởng ban và các thành viên, để đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết bằng hình thức giơ tay. Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý. Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu; tiến hành phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu; mời 02 đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

g) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp. Người được bầu làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người được trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành. Trường hợp xác định được người trúng cử thì người trúng cử ra mắt cuộc họp.

3. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp; quyết định của cộng đồng dân cư được lập theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định.

4. Trường hợp cuộc họp không xác định được người trúng cử thì Tổ bầu cử lập biên bản, nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại theo quy định. Việc bầu lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Quy chế này.

5. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện khi hết nhiệm kỳ thôn, tổ dân phố; đối với thôn, tổ dân phố thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn nhân sự theo Phương án số 8760/PA-UBND ngày 09/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoàn thành chậm nhất vào 30/7/2026.

Điều 10. Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện để đạt tỷ lệ thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Trường hợp nội dung bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được tổ chức tại cuộc họp của cộng đồng dân cư nhưng không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP thì thực hiện

phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Việc xây dựng kế hoạch, thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến, công khai thông tin, mẫu phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản và gửi kết quả thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

3. Kết quả lấy ý kiến được thông qua khi tổng hợp kết quả theo đúng quy định của pháp luật và có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

Điều 11. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Các trường hợp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp sau đây:

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi.

b) Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 13. Tổ chức cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban

Công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Quyết định của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5. Trường hợp cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Quy chế này.

7. Trong thời gian khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 14. Quy trình lựa chọn công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố. Hồ sơ gồm: Văn bản của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; Sơ yếu lý lịch của người được giới thiệu giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; Biên bản họp thống nhất với

Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố về giới thiệu Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố sau khi nhận được văn bản đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 15. Quy trình cho thôi chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Cho thôi chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trong các trường hợp sau:

a) Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có thể được cho thôi do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

b) Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không chấp hành sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri cho thôi theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã cho thôi Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên bị cho thôi chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Nhiệm vụ trong tổ chức, điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố

Chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tổ chức đề cộng đồng dân cư bàn, quyết định đối với các nội dung thuộc phạm vi Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi phải lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư đã được Nhân dân trong thôn, tổ dân phố thông qua; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện.

Tổ chức triển khai các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trong tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn.

Đại diện cho thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

Báo cáo kết quả hoạt động của thôn, tổ dân phố trước hội nghị thôn, tổ dân phố theo định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết.

b) Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do chính quyền cấp xã giao

Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; thực hiện dân chủ ở cơ sở và các phong trào, cuộc vận động tại địa bàn.

Nắm tình hình đời sống cộng đồng dân cư; tập hợp, phản ánh với chính quyền địa phương cấp xã các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh tại địa bàn; tham gia hòa giải ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Vận động Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư tại địa bàn.

Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc hỗ trợ triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn.

Phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức cho Nhân dân tham gia giám sát các công trình, dự án, các khoản đóng góp của Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại địa bàn.

Tổ chức tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, tổ chức phòng thủ dân sự và bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích, hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, tiện ích số và dịch vụ công trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phối hợp cung cấp thông tin cần thiết phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

c) Quyền hạn

Đại diện cho thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; là người đại diện cho cộng đồng dân cư ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí và đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua.

Được mời tham gia các cuộc họp của chính quyền địa phương cấp xã liên quan đến việc triển khai các công việc liên quan trực tiếp đến cộng đồng dân cư.

Căn cứ quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều này.

Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

a) Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công.

b) Được tham dự cuộc họp của chính quyền cấp xã khi được mời hoặc được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền; được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc quản lý và về hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 17. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Mối quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình mọi mặt của thôn, tổ dân phố và đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Mỗi quan hệ với Chi bộ thôn, tổ dân phố

Chấp hành sự lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của Chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Mỗi quan hệ với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố

a) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để tổ chức cho Nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

b) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc vận động Nhân dân triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quản chúng bảo vệ an ninh và trật tự, Tổ bảo vệ sản xuất, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn và thôn, tổ dân phố giáp ranh để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động tự quản ở thôn, tổ dân phố.

5. Mỗi quan hệ với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất chính quyền cấp xã giải quyết những ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố.

c) Tổ chức công khai đầy đủ để Nhân dân biết các nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và kế hoạch thực hiện các nội dung công khai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 18. Kinh phí tổ chức bầu, cho thôi; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Kinh phí tổ chức bầu, lựa chọn, cho thôi; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thực hiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.
2. Quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.
3. Định kỳ 31/10 hàng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn về Sở Nội vụ.
4. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã công bố số liệu về số hộ thôn, tổ dân phố trước 31/12 hàng năm làm cơ sở tham mưu chế độ chính sách.

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện của các cơ quan có liên quan

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước ở thôn và tổ dân phố; hàng năm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).
 2. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán cho các địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.
 3. Sở Nội vụ: Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện ở các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
 4. Các sở, ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác về thôn, tổ dân phố theo đúng quy định pháp luật.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cấp, các ngành báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.